

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**NGHIÊN CỨU MỘT SỐ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC
QUAN YẾU ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN TIẾNG ANH
TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY:
NHÌN TỪ GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG**
A STUDY OF SOME ESSENTIAL QUALITIES, COMPETENCES
FOR SECONDARY TEACHERS OF ENGLISH AT THE PRESENT STAGE
FROM APPLIED LINGUISTICS PERSPECTIVE

NGUYỄN HUY KÝ

(TS; Đại học Thủ đô Hà Nội)

Abstract: The article has made an attempt to focus on the 2 crucial issues: (1) Some essential qualities, competences for secondary teachers of English, and (2) How to help them get these qualities, competences. After some major findings closely related to the topic have been found, the author has arrived at a few academic conclusions, then presented some further suggestions and several discussion points which need some more follow-up studies or exchanges in the hope that the subject-matter will become clearer.

Key words: Essential qualities; competences; secondary teachers of English; crucial issues; Applied Linguistics.

1. Đặt vấn đề

Xét từ góc độ Ngôn ngữ học ứng dụng, chúng tôi thấy cần thiết đặt ra 2 vấn đề lồng ghép trọng yếu liên quan đến chủ đề đã nêu: (1) Một số phẩm chất, năng lực quan yếu đối với mỗi giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở (THCS) là gì? và (2) Làm thế nào để giúp họ có được các phẩm chất, năng lực quan yếu ấy? Đó là 2 câu hỏi nghiên cứu quan trọng mà chúng tôi phải trả lời để góp phần làm sáng tỏ 2 mục tiêu nghiên cứu chính trong bài viết này. Ngoài ra, trong bài viết, đôi khi chúng tôi có sử dụng tiếng Anh sau tiếng Việt nhằm nêu rõ nội hàm hoặc bản chất của vấn đề mà chúng tôi e rằng mình chưa chắc chắn làm rõ được.

2. Một số phẩm chất, năng lực quan yếu đối với mỗi giáo viên tiếng Anh THCS trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt sau năm 2015

Thứ nhất, theo TS. Nguyễn Anh Dũng, trong bài trả lời phỏng vấn “Đổi mới chương trình - sách giáo khoa”: Hình thành 6 phẩm

chất, 9 năng lực cho học sinh’ (Quý Hiền, 2014), cụ thể:

6 phẩm chất là: 1/yêu gia đình, quê hương đất nước; 2/nhân ái khoan dung; 3/trung thực, tự trọng, chí công, vô tư; 4/tự lập, tự tin, tự chủ; 5/có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại; 6/nghĩa vụ công dân’.

9 năng lực là: 1/năng lực tự học; 2/giải quyết vấn đề; 3/sáng tạo; 4/tự quản lí; 5/giao tiếp; 6/hợp tác; 7/sử dụng công nghệ thông tin; 8/sử dụng ngôn ngữ; 9/ năng lực tính toán.

Như vậy, xét cho cùng, năng lực là đỉnh, là đầu ra của giáo dục - điều chúng ta đang nỗ lực hướng tới. Điều này cũng liên quan đến những phẩm chất, năng lực đối với giáo viên nói chung và giáo viên tiếng Anh THCS nói riêng, bởi vì, muốn đào tạo và giáo dục học sinh, sinh viên có được những phẩm chất, năng lực đó, giáo viên cũng phải là những người ít nhất có được những phẩm chất, năng lực ấy.

Thứ hai, từ góc nhìn của Ngôn ngữ học ứng dụng, hoặc các lĩnh vực có liên quan như Giáo học pháp và Tâm lí học giảng dạy tiếng

nước ngoài, đặc biệt qua thực tế giảng dạy giáo sinh tiếng Anh để trở thành giáo viên tiếng Anh THCS, chúng tôi nhận thấy rằng một số phẩm chất, năng lực quan yếu này được thể hiện một cách cụ thể qua các tiêu mục dưới đây:

(i) *Nhận thức, lòng yêu nghề*: Giáo viên phải có nhận thức đúng đắn với nghiệp mình theo đuổi, lòng yêu nghề, mến trẻ và có tâm trong sáng. Hơn nữa, giáo viên phải có nhân cách, thân thiện và không mắc bất cứ tệ nạn xã hội nào, vì chính họ luôn là tấm gương sáng cho người học noi theo. Đặc biệt, giáo viên phải thực sự quan tâm đến nhu cầu thiết thực, chính đáng và khả năng phát triển của học sinh (actually caring for students' real needs and progress).

(ii) *Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ*: Trước hết, đó là trình độ kiến thức (liên quan đến bộ môn đảm nhiệm, liên môn, tích hợp, hệ thống, sâu rộng...), như: kiến thức vững vàng về tiếng Anh (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp); có kĩ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) tốt; có hiểu biết chắc chắn và có khả năng sử dụng, vận dụng linh hoạt các phương pháp, thủ pháp dạy học trong mỗi tiết học...; có khả năng tạo động lực, động viên, lôi cuốn và thiết kế tình huống "như thật"... cho học sinh hứng thú tham gia tích cực các hoạt động trong mỗi tiết học; có khả năng kiểm tra - đánh giá học sinh một cách khoa học, hiệu quả... Chúng tôi xin được giải thích rõ hơn như sau:

- Một trong những phẩm chất, năng lực rất cơ bản giáo viên cần phải có là kiến thức và khả năng thụ đắc kiến thức bộ môn một cách vững vàng, hệ thống, xuyên suốt cả cấp học và hữu ích đối với việc học. Cần có kiến thức vững vàng về ngữ âm - âm vị học tiếng Anh (như cách phát âm, cách nhấn âm, nối âm, nuốt âm, nuốt hóa âm tiết, cách dùng nhịp điệu và ngữ điệu...), về ngữ pháp tiếng Anh, về từ vựng Anh; phải có năng lực và khả năng thực hành, giao tiếp tốt trong quá trình giảng dạy. Điều này liên quan trực tiếp đến các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

- Cần có khả năng linh hoạt trong việc vận dụng và sử dụng các phương pháp giảng dạy sao cho luôn phù hợp với học sinh, một cách hiệu quả, thiết thực; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin một cách phù hợp, hiệu quả trong giảng dạy (tránh lạm dụng đến mức lộ liễu).

- Cần có khả năng phản ứng nhanh, đối đáp, trao đổi, chia sẻ (xét về mặt học thuật, chuyên môn, nghiệp vụ, phép lịch sự)... trước các câu hỏi của học sinh, vấn đề có liên quan đến nội dung môn học, bài học, tiết học đó.

- Cần biết cách nêu vấn đề và phản ứng nhanh trước các câu trả lời của học sinh. Đặc biệt, giáo viên cần phải biết cách tạo cơ hội tham gia hoạt động tích cực cho học sinh, giám sát và đánh giá quá trình học tập chủ động của học sinh.

- Cần có khả năng động viên học sinh biết cách nêu vấn đề còn khúc mắc, biết cách trao đổi trên cơ sở mình đã nắm vững hoặc chưa nắm vững vấn đề liên quan.

- Cần biết cách tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh thảo luận, làm việc theo nhóm/cặp.

- Có khả năng đương đầu với những thách thức, bất đồng ý kiến, phản đối ý kiến và ý kiến phê phán (hiểu theo nghĩa tích cực trong học thuật) của học sinh trong quá trình tương tác tại lớp nhằm đạt được kết quả học tập tốt hơn.

- Cần phải biết (vừa lí thuyết, vừa thực hành) cách kiểm tra - đánh giá khả năng học tập của học sinh để từ đó có cách khắc phục những điểm còn hạn chế và phát huy những ưu điểm trong quá trình dạy - học.

(iii) *Khả năng nghiên cứu khoa học*: Nghiên cứu khoa học (NCKH) có thể được chia thành 3 loại: Phát hiện hoặc phát minh cái mới; Ứng dụng cái mới vào thực tiễn; Nhận thức lại, tổng hợp, phân tích những nội dung đã nêu nhưng có bổ sung những điểm mới.

Thực tế NCKH của chúng ta hiện nay trong lĩnh vực giáo dục có lẽ chỉ dừng lại ở mảng ứng dụng và nhận thức lại, sắp xếp thành từng nội dung theo mục đích nghiên cứu trong quá

trình làm NCKH. Dấu sao, đó cũng là một vấn đề rất quan trọng trong giáo dục và đào tạo của chúng ta.

(iv) *Khả năng tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ*: Có thể coi đây là một trong các phẩm chất cần có đối với giáo viên, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi giáo viên không những phải giảng dạy để đáp ứng những mục tiêu ngành, nghề đã đặt ra, mà còn phải đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi tất yếu của xã hội. Đối với giáo viên tiếng Anh THCS, cần phải tự học, tự nâng cao trình độ tiếng Anh của mình bằng cách đọc các sách, tài liệu chuyên sâu liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Nếu có điều kiện, giáo viên tiếng Anh THCS cũng nên thường xuyên trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ của mình với đồng nghiệp, hoặc tham gia các hội thảo khoa học phù hợp để có thể nắm bắt được các vấn đề đang được quan tâm, nghiên cứu. Hoặc, thông qua tiếng Anh, giáo viên có thể giao tiếp trực tiếp với chuyên gia người nước ngoài mỗi khi có điều kiện, cơ hội.

3. Làm thế nào để giáo viên tiếng Anh THCS có được những phẩm chất, năng lực thiết yếu ấy?

Để đào tạo được giáo viên tiếng Anh THCS có được những phẩm chất, năng lực như nêu ở trên, trước hết, trách nhiệm lớn thuộc về chất lượng tuyển sinh vào các trường sư phạm cùng các nội dung đào tạo.

3.1. Chương trình đào tạo

Cuối năm 2014 tại Hà Nội, Bộ GD-ĐT Việt Nam đã phối hợp với Bộ Giáo dục Đan Mạch tổ chức hội thảo với chủ đề *Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào điều kiện Việt Nam*. Một nội dung hết sức quan trọng đã được công bố trong hội thảo là chương trình giáo dục sau năm 2015 sẽ hướng đến hình thành năng lực người học thay vì luôn thiên về tập trung vào nội dung kiến thức như hiện nay.

Theo đó, chuẩn giáo dục được xét trên ba phương diện là *phẩm chất, kỹ năng học tập phổ quát và kỹ năng thuộc các lĩnh vực học tập*. Từ

trường cốt lõi của chương trình mới là hướng đến quá trình giáo dục hình thành năng lực chung, năng lực chuyên biệt để con người có tiềm lực phát triển, để thích nghi với hoàn cảnh sống, học tập, làm việc luôn biến đổi trong tương lai. Điều này trước hết khiến giáo dục phổ thông, sau đó là giáo dục cao đẳng - đại học, có sự chuyển đổi cơ bản từ xác định phẩm chất, năng lực cần đạt được của học sinh, sinh viên đến nội dung chương trình, và phương pháp dạy-học.

a. Về phẩm chất, năng lực: Ngoài cách nhìn nhận về các phẩm chất, năng lực đã nêu trong mục 2, thì xét một cách cơ bản và lâu dài, học sinh, sinh viên cần được học để biết làm người có ý thức, trách nhiệm, có năng lực làm việc tốt, không những có ích cho bản thân, gia đình, mà còn có ích cho quê hương, đất nước, cho xã hội, cho cộng đồng....

b. Về nội dung:

- Nhấn mạnh tính tích hợp thông qua các bài đọc hiểu, thực hành viết, kỹ năng nói, kỹ năng giao tiếp,... Chẳng hạn, ngoài các nội dung thực hành ngôn ngữ trong giao tiếp, chúng ta cần đưa những nội dung giáo dục có liên quan vào quá trình dạy-học các môn học như: tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; giáo dục pháp luật; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông...

- Quan tâm tính liên môn (có nghĩa là xác định các nội dung kiến thức liên quan đến hai hay nhiều môn học để dạy - học, tránh việc học sinh, sinh viên phải học lại nhiều lần cùng một nội dung kiến thức ở các môn học khác nhau).

- Lưu ý kết hợp với phân hóa sâu dần theo hướng giảm số môn học bắt buộc, tăng các môn học tự chọn theo một tỉ lệ phù hợp nhằm giúp học sinh, sinh viên không những chủ động nắm bắt kiến thức một cách hiệu quả, mà còn biết gắn với thực tiễn để họ có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp trong tương lai.

c. Về phương pháp: Nhìn một cách tổng thể, cần nhận thức rõ rằng rằng, quá trình giáo dục

nên được tổ chức bằng các hoạt động của chính người học, tạo cơ hội hình thành và thể hiện kiến thức, kĩ năng, thái độ. Phương pháp chung được xác định là hướng trung tâm vào người học, tạo điều kiện để họ có điều kiện hình thành và phát triển phẩm chất cần có, năng lực chung và năng lực chuyên ngành; kĩ năng sống và kĩ năng nghề nghiệp; tránh truyền đạt thuần túy kiến thức mà xem nhẹ thực hành, giao tiếp có ý thức,... để nhanh chóng phù hợp với ngành, với nghề trong tương lai.

3.2. *Dạy - học tích cực, linh hoạt, không cứng nhắc*

Khác hẳn với các hoạt động dạy - học truyền thống, các hoạt động dạy - học hiện nay luôn uyển chuyển, linh hoạt, không cứng nhắc, khô cứng đến buồn tẻ. Theo đó, giảng viên luôn khuyến khích sinh viên trao đổi, phát vấn, đối thoại, nêu ý kiến cá nhân,... không những chỉ giữa sinh viên với nhau, mà ngay cả giữa sinh viên với giảng viên trong suốt quá trình hoạt động trên lớp thông qua hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động học tập của sinh viên (nghe giảng tích cực, không thụ động nắm bắt kiến thức, luôn làm việc theo cặp, nhóm, nhưng không ỷ lại vào đối tác mà thường hay có chính kiến, nhận xét, góp ý tích cực... sau mỗi hoạt động). Đây là điều dễ nhận thấy đối với giờ học ngoại ngữ nói chung, tiếng Anh nói riêng, bởi ở đó, giảng viên và sinh viên luôn chủ động tích hợp các kĩ năng ngôn ngữ, hoặc các bình diện ngôn ngữ như Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp,... có thể với những trọng số khác nhau, cho dù đó là giờ dạy kĩ năng đọc hiểu hay kĩ năng nghe hiểu, diễn đạt nói hay kĩ thuật viết, ngữ âm hay từ vựng, ngữ pháp hoặc kĩ thuật dịch,... Đó cũng chính là một trong các đường hướng dạy - học hướng trung tâm vào người học.

3.3. *Cách thức kiểm tra - đánh giá*

Trước hết, cách thức kiểm tra - đánh giá (KT - ĐG) cũng cần phải thay đổi cho phù hợp với quá trình dạy-học trong giai đoạn hiện nay. Đó là điều quan trọng và tất yếu vì ai cũng biết

rằng, KT - ĐG gián tiếp hoặc trực tiếp phản ánh quá trình, chất lượng dạy-học một cách tương đối chính xác. Nhưng, nếu thiếu hiểu biết về đo lường trong giáo dục thì nhiều khi kết quả KT- ĐG (quá dễ hoặc quá khó, dẫn đến kết quả là có quá nhiều học sinh giỏi hoặc có quá nhiều học sinh kém) không phản ánh đúng thực chất của quá trình ấy. Vậy, những nhà giáo dục và quản lí giáo dục phải làm gì trước thực tế hiển nhiên đó? Đã từ lâu, người ta thường sử dụng 2 loại hình kiểm tra để đo lường trong giáo dục. Đó là kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm (trắc nghiệm khách quan) và kiểm tra theo hình thức tự luận. Hình thức kiểm tra nào cũng có thể được vì còn phụ thuộc vào môn học (có môn có thể áp dụng được hình thức trắc nghiệm khách quan; có môn có thể áp dụng hình thức tự luận), miễn là phải có giá trị và độ tin cậy. Theo các tác giả [2], [8], [16], 2 tiêu chí cơ bản này có thể được hiểu như sau:

- Tính/Độ giá trị phản ánh tính hiệu quả của một bài thi và độ giá trị có nhiều loại/ nhiều sắc thái, chẳng hạn: (1) tiên đoán, (2) phù hợp, (3) phân loại tích cực, (4) cấu trúc, (5) nội dung.

- Độ tin cậy được hiểu như độ/ tính chính xác của phép đo lường/bài thi. Độ tin cậy có thể được xem như một số đo về sự sai khác giữa điểm số quan sát được (là điểm số trên thực tế người học đã có được) và điểm số thực (là điểm số lí thuyết mà người học sẽ phải có nếu không mắc những sai sót trong đo lường).

Theo quan điểm của chúng tôi, tùy theo mục đích của kì thi hoặc bài thi mà chúng ta có thể sử dụng loại hình thi trắc nghiệm hay tự luận, hoặc có sự kết hợp giữa trắc nghiệm với tự luận theo một tỉ trọng và thời lượng phù hợp để có thể đánh giá, phân loại kết quả thi một cách hiệu quả nhất. Sẽ không có bất cứ một loại hình kiểm tra nào là tuyệt đối ưu việt hoặc ngược lại!

3.4. *Quản lí quá trình đào tạo*

Rõ ràng, quản lí quá trình đào tạo là một trong các khâu quan trọng có liên quan mật thiết đến cả quá trình đào tạo. Quản lí các hoạt

động đào tạo không những vừa trực tiếp, vừa gián tiếp; mà còn vừa đi trước (so với thời điểm bắt đầu của quá trình đào tạo mỗi năm học), vừa đi sau (so với thời điểm kết thúc của quá trình đào tạo mỗi năm học), bằng hoặc qua hệ thống văn bản khoa học, nhất quán, chặt chẽ,... để hướng dẫn, bồi dưỡng, thông báo, sơ kết, tổng kết, nhận xét, đánh giá, rút ra bài học thành công và chưa thành công,... Thực tế đã cho thấy, nếu chỉ đạo không nhạy bén, không nhất quán, còn cứng nhắc, mang đậm chất hành chính sự vụ, hoặc không đi vào bản chất vấn đề,... thì rất khó cho giảng viên thực hiện, và đương nhiên kết quả không như mong muốn, mặc dù ai ai cũng đều cố gắng, nỗ lực hết mình.

4. Một số vấn đề còn để ngỏ, cần được bàn thảo thêm

Qua thực tế giảng dạy tiếng Anh nhiều năm, vẫn còn một số vấn đề chúng tôi băn khoăn, trăn trở, nên cần có thêm ý kiến trao đổi chuyên sâu, cho dù có thể trái chiều. Đó là quan niệm còn khác nhau về một số vấn đề sau đây:

1) Nghiêm túc trong học tập, nhưng không đồng nghĩa với việc thụ động chấp nhận kiến thức, thiếu phân biện khoa học hoặc không có tư duy phê phán đúng nghĩa.

2) Làm sao người học cần hiểu đúng và chủ động động não, chịu khó suy nghĩ và chủ động ghi nhớ một cách có ý thức những gì cần phải nhớ. Nói cách khác, giáo viên phải làm thế nào để người học có thể hiểu rằng học chính là một quá trình biết nhớ và biết quên một cách có ý thức.

3) Cách hiểu về vận dụng phương pháp giảng dạy trong mỗi tiết học còn có khoảng cách không nhỏ giữa các trường, các giáo viên. Thực tế đã cho thấy, một phương pháp hay không có nghĩa là đem nó vào trong tiết dạy là đạt được hiệu quả như mong muốn. Thậm chí, càng không hiệu quả nếu một tiết dạy chỉ là sự tập hợp của các phương pháp tiến tiến hiện hành. Xét cho cùng, chẳng có phương pháp dạy học nào là độc tôn hoặc được gọi là hay

hoặc được coi là dở đối với bất kì tiết học nào và đối tượng người học nào. Vấn đề chỉ là việc vận dụng phương pháp ấy như thế nào cho phù hợp với tiết dạy, với người học để phát huy hiệu quả mà thôi.

4) Nên chăng hãy đề cao phong cách học tập trong mỗi người học, phong cách giảng dạy trong mỗi giáo viên; tự học, tự nghiên cứu trong mỗi sinh viên; làm sao để biến quá trình được đào tạo thành quá trình tự đào tạo cho đúng nghĩa!... Những nội dung này quả thực vẫn còn là dấu hỏi cần được nghiên cứu kĩ lưỡng, trao đổi thêm và trả lời thấu đáo.

5. Kết luận

Sau khi nghiên cứu kĩ lưỡng các lĩnh vực cùng các vấn đề liên quan để nêu bật một số phẩm chất, năng lực thiết yếu đối với mỗi giáo viên tiếng Anh THCS và làm thế nào để giúp họ có các phẩm chất, năng lực ấy, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

1/Một số phẩm chất, năng lực lồng ghép đề nêu trong bài viết này chưa phải là tất cả nhưng rất quan trọng vì chúng tạo nên nền tảng vững chắc và 'chất' nghề nghiệp nổi bật trong mỗi giáo viên tiếng Anh THCS. Rất cần có những trao đổi học thuật giữa các nhà khoa học và quản lí giáo dục để có thể bổ sung, hoàn thiện nhằm xác định rõ ràng hơn những phẩm chất, năng lực cần yếu đối với mỗi giáo viên tiếng Anh THCS trong giai đoạn hiện nay.

2/Cần xem xét bổ sung phương án tuyển sinh vào các trường sư phạm hoặc khoa sư phạm sao cho phù hợp hơn để có thể giảm thiểu các giáo sinh bị nói ngọng (theo cách hiểu cả trong tiếng Việt và ngoại ngữ), hoặc diễn đạt (bút ngữ và khẩu ngữ) kém vì ngôn ngữ phản ánh tư duy. Đây là vấn đề không đơn giản nhưng không phải bất khả thi.

3/Về phương pháp dạy - học, qua mấy chục năm trực tiếp giảng dạy các loại hình đào tạo, các cấp độ đào tạo và các đối tượng được đào tạo khác nhau, chúng tôi nhận thấy rằng, một giảng viên giỏi phải là một giảng viên có khả năng vận dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy khác nhau cho phù hợp với giáo

sinh, với tiết dạy. Không nên cứng nhắc hoặc lạm dụng một phương pháp nào đó vì không có phương pháp nào là độc tôn. Theo đó, giáo sinh sẽ được 'hường thụ' phong cách và phương pháp giảng dạy của thầy để tự điều chỉnh mình. Đó là một trong các cách tự học, tự nghiên cứu của giáo sinh trong quá trình được đào tạo; phù hợp với một trong các nguyên lý giáo dục là 'Biến quá trình được đào tạo thành quá trình tự đào tạo' (người viết tự thêm chữ 'tự' vào cụm từ 'tự đào tạo' cho rõ nội hàm).

4/KT - ĐG cũng nên được điều chỉnh sao cho phù hợp hơn với việc phát triển năng lực học tập, năng lực NCKH, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ,... Nói cách khác, KT - ĐG cũng phải góp phần giúp giáo sinh tự điều chỉnh và phát triển năng lực chung và năng lực chuyên ngành trong tương lai.

5/Quản lý quá trình đào tạo ngay trong mỗi trường sư phạm cũng cần được nhìn nhận lại một cách nghiêm túc và phù hợp hơn vì đã thay đổi là có ảnh hưởng đến tất cả các đơn vị trong trường. Chính vì vậy, sự thay đổi tích cực, đồng bộ trong cả hệ thống đào tạo và quản lý quá trình đào tạo là vô cùng quan trọng!

6/Nền tảng mọi nguồn lực, trí tuệ của Nhà trường để nâng cấp cơ sở vật chất cho phù hợp với xu hướng đào tạo hiện nay nhằm ngày càng đào tạo được nhiều hơn các giáo viên tiếng Anh THCS nói riêng và THPT nói chung có những phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ như đã nêu trong khuôn khổ bài viết nhỏ này.

7/Vẫn còn một số vấn đề (như đã nêu trong mục 4 của bài viết) cần có thêm ý kiến trao đổi sâu rộng - cho dù có thể trái chiều - để chúng ta có tiếng nói chung, với mục đích rõ ràng và mục tiêu cụ thể là tạo nên quá trình dạy - học - KT - ĐG - NCKH ngày càng có hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Cohen, L., Manion, L., (1985), *Research methods in education*, London: Croom Helm.
2. Corder, S. P., (1979), *Introducing applied linguistics*, Penguin Books.
3. Dubin, F. and Olshtain, E., (1996), *Course design*, Cambridge: Cambridge University Press.
4. Heys L., (2000), *Am I teaching well?*, Learning Matters.
8. Nghiêm Xuân Hùng (biên dịch), Lâm Quang Thiệp (hiệu đính và giới thiệu), (1995), *Thắc nghiệm và đo lường cơ bản trong giáo dục (Basic educational tests and measurement của Quentin Stodola và Kalmer Stordahl)*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Đại học, Hà Nội.
5. Nguyễn Hữu Việt Hưng (2007), *Đào tạo theo tín chỉ ở các trường Đại học Mỹ*, <http://vietbao.vn/giao-duc/dao-tao-theo-tin-chi-o-cac-truong-DH-Mỹ/30204553/202/>
6. Kindsvatter, R., Wilen, W. and Ishier, M., (1988), *Dynamics of effective teaching*, New York: Longman.
7. Krashen, S. D., (1981), *Second language acquisition and second language learning*, Oxford: Pergamon.
8. Nguyễn Huy Kỳ (2007), *Một cách hiểu về sáng kiến kinh nghiệm và nghiên cứu khoa học*, Tạp chí Giáo dục Thủ đô số 49 (2007), Sở Giáo dục & Đào tạo Hà Nội.
9. Nguyễn Huy Kỳ (2014), *Một số vấn đề cần yếu và thách thức trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia (nhân dịp kỉ niệm lần thứ 55 ngày thành lập trường CESEP Hà Nội): Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, 05-01-2014, tr. 251 - 263, Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.
10. Nunan, D., (2004), *Research methods in language learning*, Cambridge University Press.
11. Odlin, T., (1989), *Language transfer: cross-linguistic influence in language learning*, Cambridge University Press.
12. Widdowson, H. G., (2000), *Teaching language as communication*, Oxford University Press.